

**CÔNG TY CỔ PHẦN E.D&C VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN E.D&C VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM E.D&C JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: E.D&C

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107617275

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 89, Phố Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.35568848

Fax:

Email: [mep.edc.co@gmail.com](mailto:mep.edc.co@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                               | 4329     |
| 2.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020     |
| 3.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700     |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp: các nhà máy lọc dầu , các xưởng hoá chất ; Xây dựng công trình : đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; đập và đê; xây dựng đường hầm; công trình thể thao ngoài trời. | 4290     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                        | 4322     |
| 6.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320     |
| 7.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                          | 7810     |
| 8.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7911     |
| 9.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                         | 7912     |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710        |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : - Giáo dục dự bị; Dạy máy tính.<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;                                                                                                                    | 8559        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết : Tư vấn giáo dục, tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8560        |
| 15. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế cấp - thoát nước;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế kết cấu công trình;<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.<br>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng | 7110(Chính) |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 20. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7010        |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7920        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931        |
| 23. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8219        |
| 24. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 25. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6329        |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4100        |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch;<br>- Tư vấn về môi trường; công nghệ<br>- Hoạt động chuyển giao công nghệ | 7490 |
| 29. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                    | 4390 |
| 30. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                              | 8230 |
| 31. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                  | 8211 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI XUÂN QUANG   | Phòng 405 - L2, phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 50,000    | 011674881                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                         | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TỪ THỊ NGỌC DUNG | P205 Nhà D1, Ngõ 32 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    | 011893257                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                         | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ XUÂN DUY      | Số 35B, ngách 95/65A, tổ 25, phố Thúy Lĩnh, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    | 013489363                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                         | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI XUÂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011674881

Ngày cấp: 20/10/2003

Nơi cấp: CATP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 405 - L2, phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà D7, Khu TT Bộ Công an, số 67/97 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội